

EL NINO 2026

TRIỂN VỌNG NGÀNH ĐIỆN, PHÂN BÓN VÀ MÍA ĐƯỜNG

I. TÓM TẮT BÁO CÁO

El Nino 2026 - 2027 có khả năng trở thành một trong những sự kiện khí hậu cực đoan mạnh nhất trong hơn một thập kỷ qua, sẽ ảnh hưởng đáng kể tới thị trường nông nghiệp và năng lượng trên thế giới cũng như tại Việt Nam.

Theo dự báo của Trung tâm Dự báo Khí hậu Hoa Kỳ (NOAA/CPC), El Nino đã hình thành và có thể tiếp tục mạnh lên trong nửa cuối năm 2026, với xác suất đạt cường độ rất mạnh lên tới 81% trong giai đoạn tháng 10 - 12/2026. Tại Việt Nam, El Nino sẽ gây ra hiện tượng thời tiết nắng nóng kéo dài với lượng mưa hạn chế, làm giảm lượng nước về các hồ thủy điện cũng như làm gia tăng rủi ro hạn hán và xâm nhập mặn tại các vùng sản xuất nông nghiệp trọng điểm.

Tương ứng, trong [ngành điện](#), nhiệt điện và năng lượng tái tạo có thể hưởng lợi nhờ được tăng cường huy động để đồng thời đáp ứng nhu cầu tiêu thụ điện tăng cao và bù đắp phần thiếu hụt từ thủy điện. Bên cạnh đó, [ngành mía đường](#) hưởng lợi khi nguồn cung toàn cầu suy giảm do thời tiết bất lợi có thể hỗ trợ giá đường, tạo tác động tích cực đến các doanh nghiệp sản xuất. Ngược lại, [ngành phân bón](#) sẽ tiêu cực khi chịu áp lực từ khí thiên nhiên đầu vào đã tăng khoảng 20 - 40% so với đầu năm, cộng thêm nhu cầu tiêu thụ phân bón thế giới giảm do nông nghiệp tiêu cực và mặt bằng giá phân bón cao.

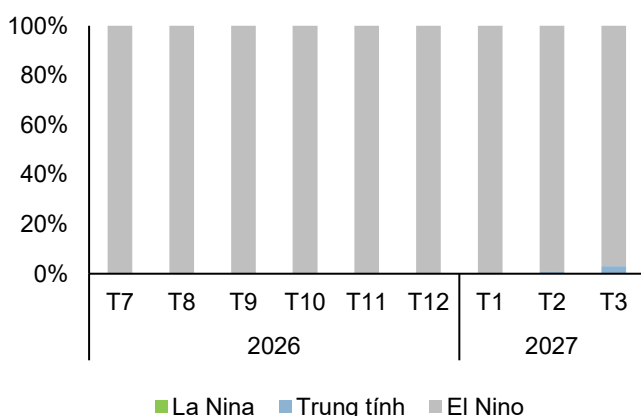
II. BỐI CẢNH KHÍ HẬU 2026: EL NINO HÌNH THÀNH VÀ CÓ RỦI RO ĐẠT MỨC RẤT MẠNH

El nino 2026 đáng chú ý do có rủi ro cường độ rất mạnh và diễn ra trong bối cảnh chi phí đầu vào neo cao

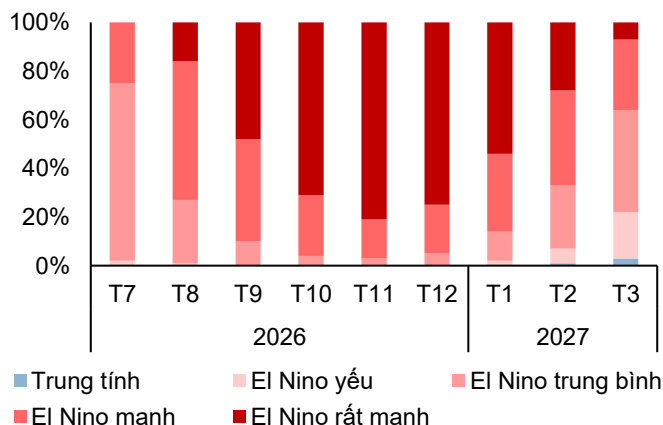
El Nino hiện đã hình thành và được dự báo kéo dài đến đầu năm 2027, với rủi ro cao đạt mức rất mạnh. Theo cập nhật tháng 7/2026 của NOAA/CPC, nhiệt độ mặt biển tại khu vực trung tâm và phía đông Thái Bình Dương đã cao hơn mức trung bình trên 1,0°C, cho thấy El Nino đang mạnh lên rõ rệt. Dữ liệu dự báo cho thấy El Nino gần như chắc chắn sẽ duy trì trong nửa cuối năm 2026 và kéo dài sang đầu năm 2027. Đáng chú ý, El Nino 2026 được dự báo **có rủi ro cao đạt mức rất mạnh, với xác suất cao khoảng 81%** vào giai đoạn cuối năm 2026. Nếu kịch bản trên xảy ra, đây có thể trở thành hiện tượng thời tiết cực đoan nghiêm trọng nhất trong nhiều thập kỷ. Đồng thời, hiện tượng này diễn ra trong bối cảnh giá năng lượng và chi phí đầu vào vẫn neo ở mức cao do xung đột Trung Đông, có thể gia tăng ảnh hưởng lên nền kinh tế so với các chu kỳ El Nino trước.

[Phụ lục 1: Cơ chế hình thành El Nino, chỉ số đo lường ONI và các chu kỳ El Nino](#)

Biểu đồ 1: El Nino được dự báo gần như chắc chắn xảy ra và kéo dài đến Q1/2027



Biểu đồ 2: Cường độ El Nino được dự báo xác suất cao đạt mức rất mạnh



Nguồn: NOAA/CPC, FPTs tổng hợp

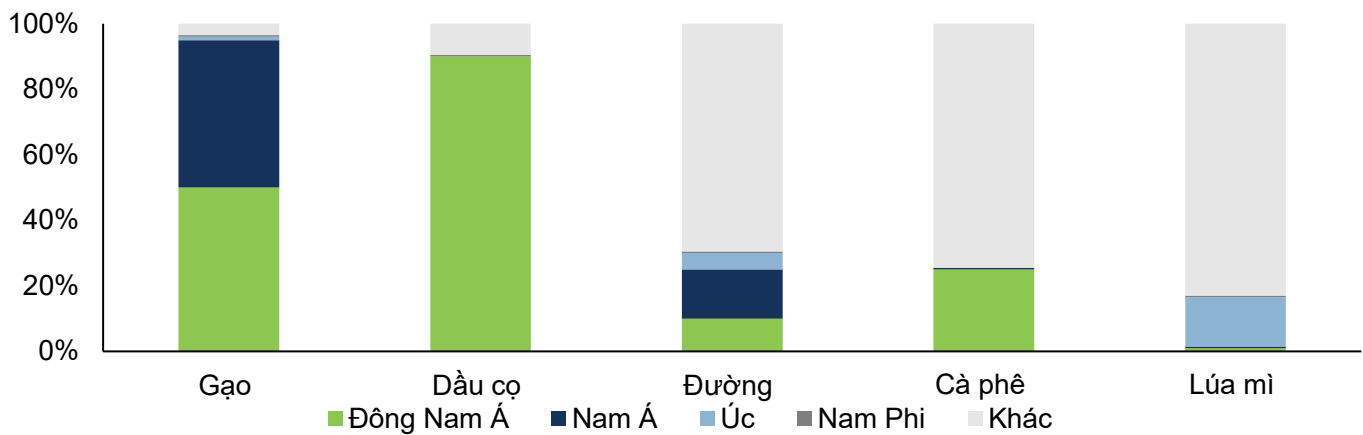
III. ẢNH HƯỞNG CỦA EL NINO LÊN KINH TẾ THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM

El Nino có thể đồng thời làm gia tăng lạm phát và làm suy yếu tăng trưởng kinh tế toàn cầu thông qua việc gia tăng các hiện tượng thời tiết cực đoan, gây gián đoạn nguồn cung nông sản và gia tăng chi phí năng lượng. Theo IMF, so với giai đoạn khí hậu trung tính, các đợt El Nino mạnh khiến tần suất hạn hán toàn cầu tăng khoảng 56%, nắng nóng cực đoan tăng 23%, sạt lở đất tăng 14% và lũ lụt tăng khoảng 11%.

Đông Nam Á, Nam Á, Úc và Nam Phi là những khu vực chịu tác động mạnh nhất do nằm trong vùng nhiệt đới phía tây Thái Bình Dương, nơi lượng mưa phụ thuộc lớn vào hệ thống gió mùa. IMF cho biết Đông Nam Á chịu ảnh hưởng rõ rệt nhất, với tần suất nắng nóng cao gấp 6,5 lần và nguy cơ hạn hán tăng khoảng 50% so với giai đoạn khí hậu trung tính. Tại Úc, nguy cơ hạn hán tăng gấp 4,1 lần, trong khi Nam Á và miền nam châu Phi lần lượt tăng 2,8 lần và 2,1 lần.

Các khu vực chịu ảnh hưởng bởi El Nino đóng vai trò quan trọng trong nguồn cung nông sản toàn cầu. Đông Nam Á chiếm khoảng 90% xuất khẩu dầu cọ và khoảng 25% xuất khẩu cà phê, đồng thời cùng với khu vực Nam Á cung cấp gần 95% lượng gạo xuất khẩu thế giới. Trong khi đó, Úc cũng đóng góp hơn 10% lượng lúa mì xuất khẩu toàn cầu.

Biểu đồ 3: Các khu vực chịu ảnh hưởng lớn chiếm tỷ trọng cao trong xuất khẩu nông sản toàn cầu



Nguồn: ITC, FPTS tổng hợp và ước tính

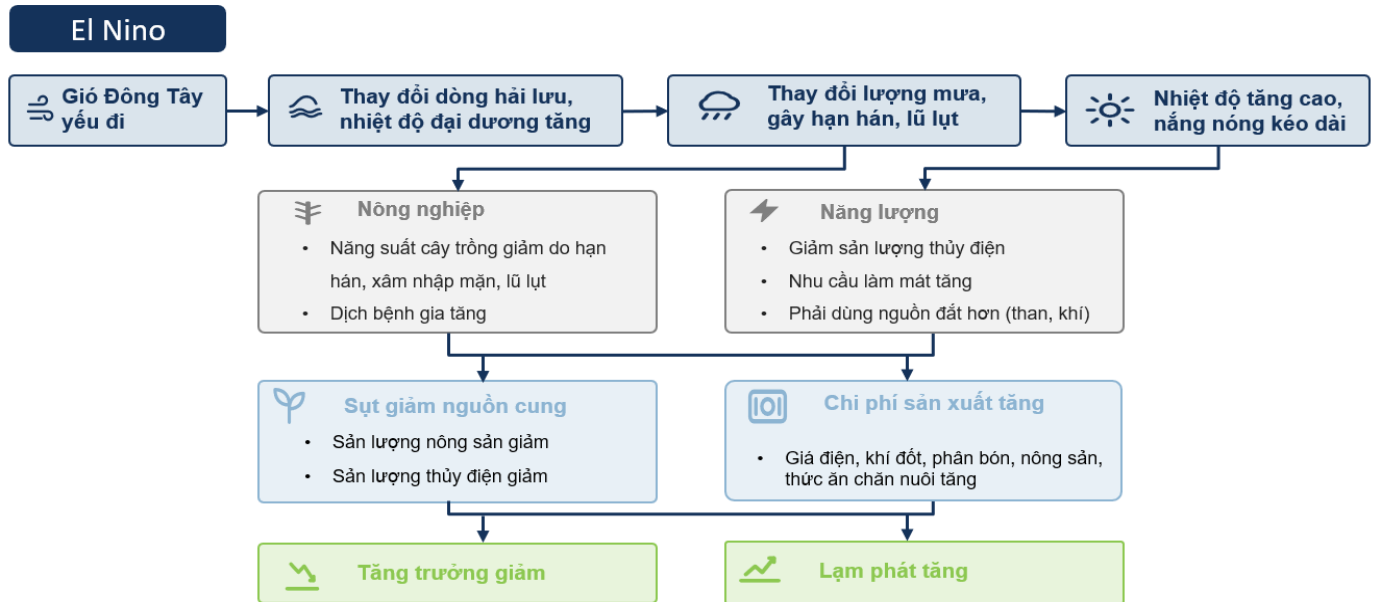
Ngoài nông nghiệp, El Nino còn làm gia tăng áp lực lên hệ thống điện khi nhiệt độ cao làm nhu cầu điện cho làm mát tăng mạnh, trong khi lượng mưa giảm làm sản lượng thủy điện suy giảm, buộc nhiều quốc gia, đặc biệt tại Nam Á và Đông Nam Á, phải tăng huy động các nguồn nhiệt điện than và khí có chi phí cao hơn.

Rủi ro năm 2026 đáng nghiêm trọng hơn vì El Nino diễn ra trong bối cảnh giá phân bón và khí thiên nhiên vẫn ở mức cao. Giá hai mặt hàng này đã tăng khoảng 20 - 40% so với đầu năm do xung đột Trung Đông làm gián đoạn nguồn cung. Giá phân bón ở mức cao có thể khiến nông dân giảm lượng phân bón sử dụng, làm giảm khả năng chống chịu của cây trồng trước các hiện tượng hạn hán và nắng nóng. Trong khi đó, giá khí thiên nhiên tăng cùng với nguồn cung hạn chế có thể làm gia tăng chi phí phát điện khi các quốc gia phải tăng huy động các nhà máy điện khí để đáp ứng nhu cầu điện.

Việt Nam là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng rõ nét nhất của El Nino do nền kinh tế vẫn phụ thuộc nhiều vào nông nghiệp và thủy điện. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản hiện đóng góp khoảng 11,6% GDP, trong khi thủy điện chiếm khoảng 33% sản lượng điện toàn hệ thống.

Theo dự báo của Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia, El Nino 2026 - 2027 có thể khiến nhiệt độ trung bình cả nước cao hơn 0,5 - 1,5°C, trong đó các đợt nắng nóng có thể cao hơn 3 - 4°C. Lượng mưa tại Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ được dự báo giảm 20 - 40%, làm gia tăng nguy cơ hạn hán, thiếu nước và xâm nhập mặn.

Tác động rõ nét nhất tập trung tại các vùng sản xuất nông nghiệp trọng điểm. Tại Đồng bằng sông Cửu Long, khoảng 350 nghìn ha lúa Đông Xuân có nguy cơ bị ảnh hưởng, tương đương khoảng 22% diện tích lúa Đông Xuân của khu vực. Đồng thời, lượng nước về hồ thủy điện suy giảm, gây áp lực lên khả năng huy động thủy điện.

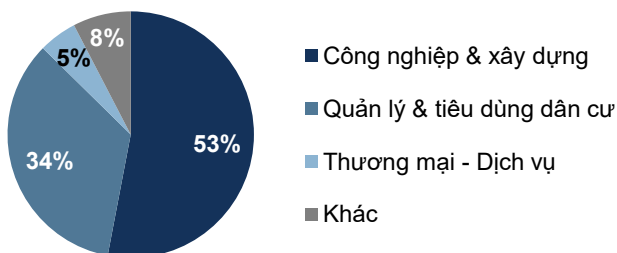
Hình 1: Tác động của El Nino đến nền kinh tế


IV. CÁC NGÀNH CHỊU ẢNH HƯỞNG CHÍNH

1. Ngành điện: Điện than hưởng lợi từ El Nino thúc đẩy nhu cầu điện, đồng thời hạn chế thủy điện [\(quay lại\)](#)

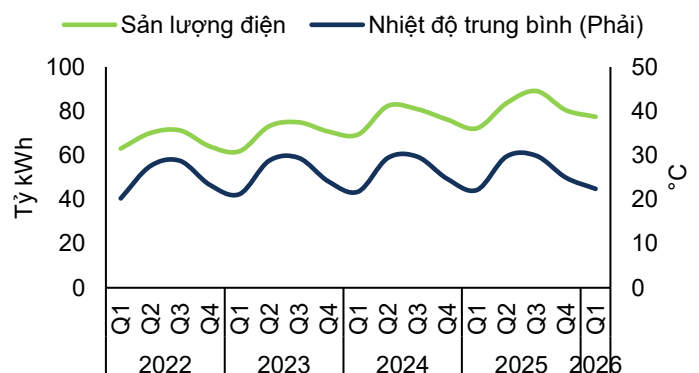
Hiện tượng El Nino làm gia tăng nhiệt độ và kéo dài các đợt nắng nóng tại Việt Nam, qua đó thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ điện thông qua việc gia tăng nhu cầu sử dụng các thiết bị làm mát. Tác động này đến từ nhóm quản lý & tiêu dùng dân cư (chiếm bình quân 34% tổng nhu cầu tiêu thụ điện hàng năm), vốn có nhạy cảm cao với điều kiện thời tiết. Khi nhiệt độ tăng, tần suất và thời gian sử dụng các thiết bị làm mát như điều hòa nhiệt độ, quạt điện, và tủ lạnh đều gia tăng, kéo theo mức tiêu thụ điện tăng.

Biểu đồ 4: Tiêu thụ điện toàn ngành phụ thuộc chính vào hoạt động sản xuất & tiêu dùng dân cư ...



Nguồn: EVN, FPTs tổng hợp

Biểu đồ 5: ... khiến sản lượng điện tương quan với nhiệt độ thời tiết thông qua nhu cầu làm mát

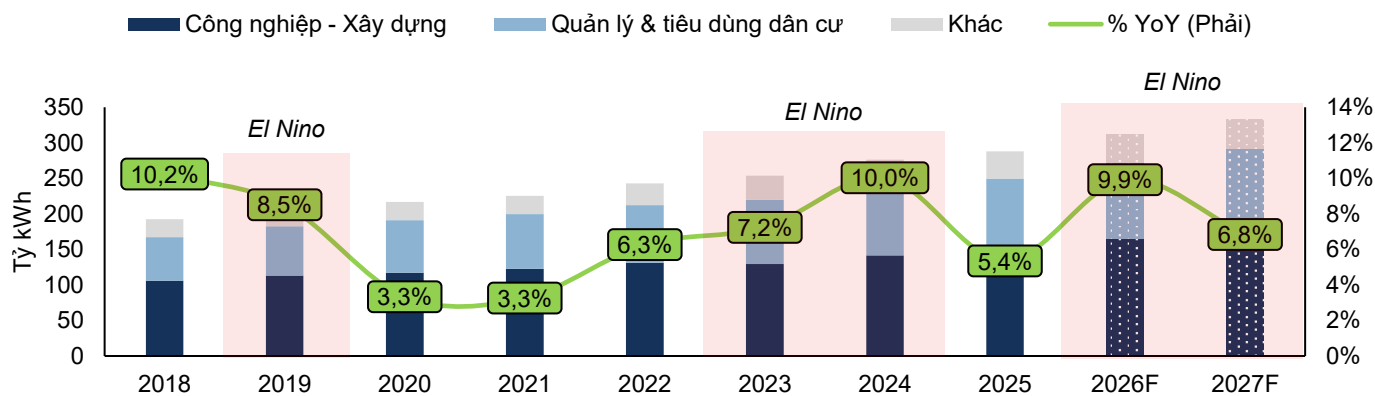


Nguồn: EVN, ECMWF, FPTs tổng hợp

1.1. Nhu cầu tiêu thụ điện tăng cao trong giai đoạn El Nino do nhu cầu sử dụng thiết bị làm mát

Năm 2026F, nhu cầu tiêu thụ điện trong nước dự kiến tăng +9,9% YoY nhờ tiêu thụ điện nhóm quản lý & tiêu dùng dân cư tăng +10,8% YoY trong bối cảnh nền nhiệt cao và nắng nóng kéo dài do ảnh hưởng của El Nino, trong khi nhu cầu tiêu thụ điện từ nhóm công nghiệp – xây dựng duy trì tăng trưởng +8,0% YoY nhờ sự mở rộng của hoạt động sản xuất và chế biến chế tạo.

Nhu cầu tiêu thụ điện trong nước sau đó dự kiến tăng trưởng chậm lại, đạt +6,8% YoY trong năm 2027F, do mức nền cao của nhóm quản lý & tiêu dùng dân cư sau khi nhu cầu làm mát tăng mạnh dưới tác động của El Nino trong năm trước. Theo đó, động lực chủ yếu đến từ sự mở rộng của hoạt động sản xuất kinh doanh làm tăng nhu cầu điện của khu vực công nghiệp – xây dựng.

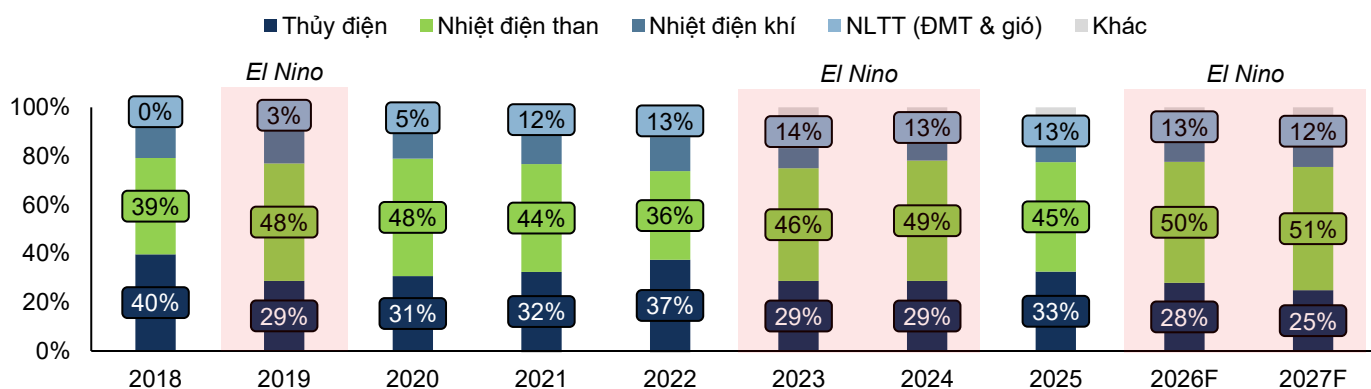
Biểu đồ 6: Tiêu thụ điện dân dụng tăng cao theo nhu cầu sử dụng các thiết bị làm mát


Nguồn: EVN, FPTs tổng hợp & dự phóng

1.2. Sản lượng thủy điện giảm do khô hạn, nhóm điện than & điện tái tạo tăng nhằm bù đắp nguồn cung

Cơ cấu huy động điện toàn hệ thống phản ánh rõ nét tác động của El Nino đến nguồn cung. Trong các năm El Nino (2019, 2023 & 2024), tỷ trọng thủy điện trong cơ cấu huy động suy giảm đáng kể từ mức bình quân 35% xuống còn 29% trong cả năm 2019, 2023 & 2024. Tỷ trọng nhiệt điện than theo đó tăng tương ứng từ mức bình quân 43% lên 48 – 49% để bù đắp phần thiếu hụt từ thủy điện và đáp ứng nhu cầu phụ tải tăng cao.

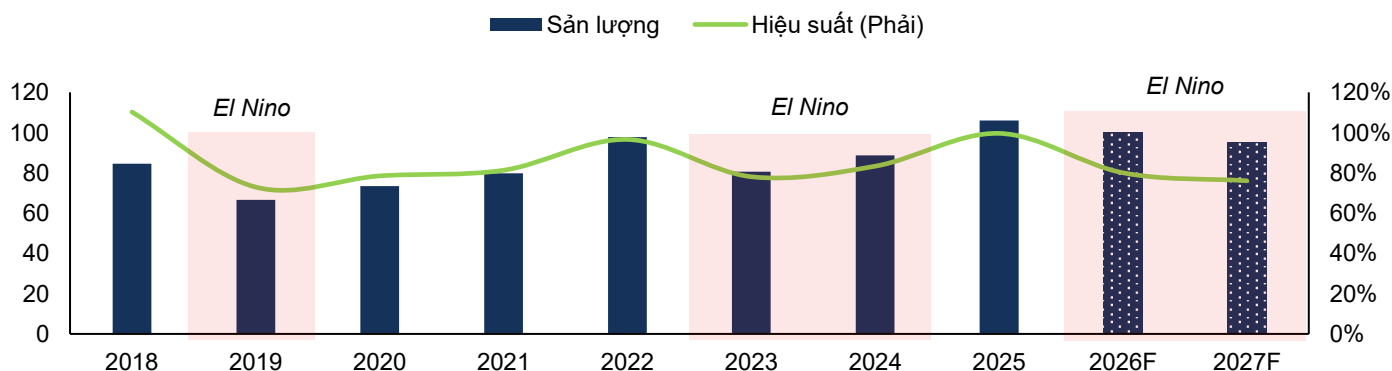
Giai đoạn 2026F – 2027F, cơ cấu huy động nguồn điện dự kiến dịch chuyển theo hướng giảm tỷ trọng thủy điện xuống còn 28 – 25% do điều kiện thủy văn kém thuận lợi trong bối cảnh El Nino. Phần sản lượng thiếu hụt chủ yếu được bù đắp bởi nhiệt điện than, qua đó nâng tỷ trọng huy động của nhóm này lên 50 – 51%.

Biểu đồ 7: Tỷ trọng huy động thủy điện giảm do El Nino gây khô hạn, giúp điện than & NLTT hưởng lợi


Nguồn: EVN, FPTs tổng hợp & dự phóng

1.2.1. Thủy điện: Sản lượng suy giảm do hiện tượng El Nino gây khô hạn, làm giảm lượng nước về hồ

Sản lượng thủy điện dự kiến lần lượt giảm -5,6% & -5,0% YoY (đạt 100,1 & 95,2 tỷ kWh) trong giai đoạn 2026F – 2027F do hiện tượng El Nino xác suất cao duy trì cường độ mạnh đến rất mạnh làm suy giảm lưu lượng nước về các hồ thủy điện.

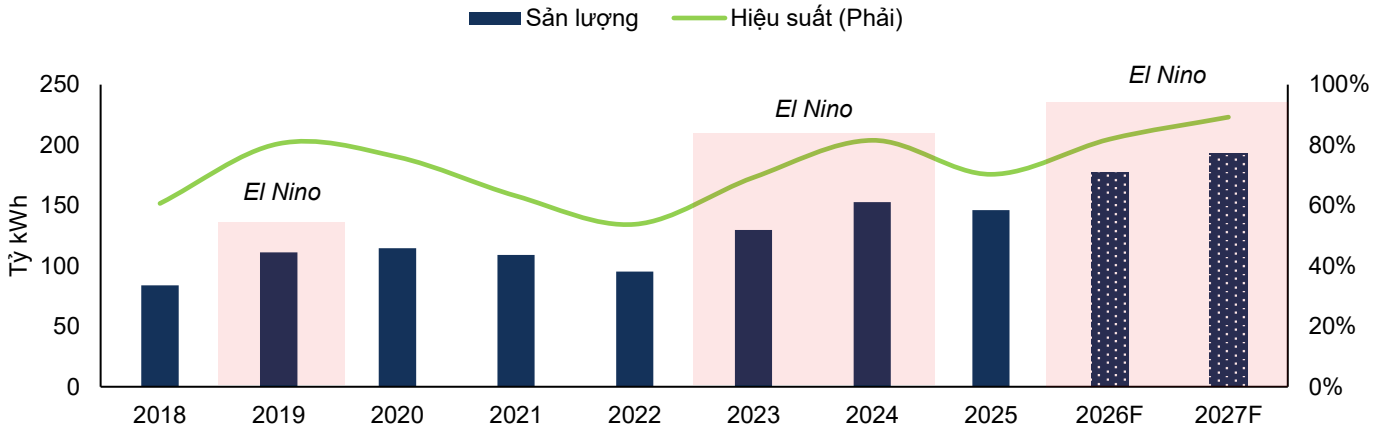
Biểu đồ 8: Sản lượng thủy điện dự kiến suy giảm do thời tiết khô hạn từ hiện tượng El Nino


Nguồn: EVN, FPTs tổng hợp & dự phóng

1.2.2. Nhiệt điện than: Nhu cầu huy động tăng cao nhằm bù đắp suy giảm sản lượng từ thủy điện

Sản lượng nhiệt điện than dự kiến lần lượt tăng +21,5% & +8,9% YoY (đạt 177,5 & 193,3 tỷ kWh) trong giai đoạn 2026F – 2027F. Động lực chính đến từ nhu cầu huy động tăng mạnh để bù đắp phần thiếu hụt từ thủy điện trong bối cảnh El Nino, đồng thời đáp ứng nhu cầu phụ tải tăng cao.

Biểu đồ 9: Sản lượng điện than dự kiến tăng mạnh nhằm bù đắp suy giảm nguồn cung từ thủy điện



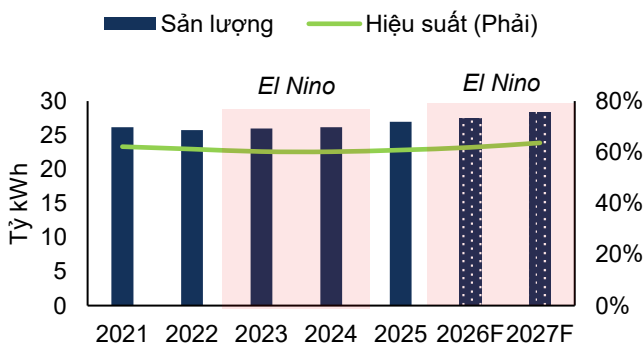
Nguồn: EVN, FPTS tổng hợp & dự phóng

1.2.3. Năng lượng tái tạo: Sản lượng điện cải thiện nhờ bức xạ mặt trời và gió thuận lợi hơn trong El Nino

Sản lượng điện mặt trời lần lượt tăng +2,0% & +2,8% YoY (đạt 27,5 & 28,3 tỷ kWh) trong giai đoạn 2026F – 2027F nhờ bức xạ mặt trời cao hơn mức trung bình trong bối cảnh El Nino – khi điều kiện ít mây và nắng kéo dài tạo thuận lợi cho phát điện mặt trời. Tuy nhiên, mức tăng trưởng bị giới hạn do: (1) Tình trạng cắt giảm sản lượng khi hạ tầng lưới truyền tải chưa theo kịp tốc độ bổ sung công suất năng lượng tái tạo, đặc biệt tại các khu vực tập trung điện mặt trời ở miền Trung và miền Nam; (2) Đặc tính phát điện tập trung vào khung giờ giữa trưa (10h – 14h), trùng với thời điểm nhu cầu phụ tải thấp, tạo ra tình trạng dư thừa cục bộ giữa trưa, buộc hệ thống phải cắt giảm sản lượng điện mặt trời để tránh mất cân bằng cung cầu, qua đó hạn chế mức độ hấp thụ thực tế của nguồn điện này vào hệ thống.

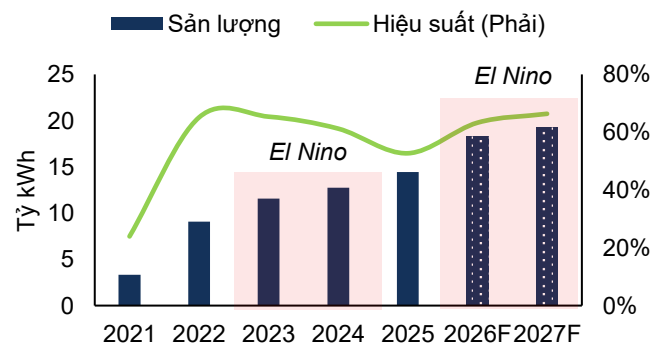
Sản lượng điện gió lần lượt tăng +27,0% & +4,9% YoY (đạt 18,3 & 19,2 tỷ kWh) trong giai đoạn 2026F – 2027F nhờ: (1) Điều kiện gió thuận lợi hơn trong bối cảnh El Nino khi làm kéo dài mùa khô tại Việt Nam, giúp duy trì tốc độ gió mạnh & ổn định hơn tại các khu vực tập trung điện gió như Nam Trung Bộ và ven biển phía Nam, qua đó cải thiện hệ số công suất và gia tăng sản lượng phát điện; (2) Công suất điện gió tăng +63,6% so với giai đoạn El Nino trước đó (2023 – 2024) nhờ các dự án điện gió mới được đưa vào vận hành, qua đó giúp sản lượng điện tăng cao dù có mức hiệu suất tương đương (~65%).

Biểu đồ 10: Sản lượng điện mặt trời tăng nhờ bức xạ cao nhưng bị giới hạn bởi tình trạng dư công suất



Nguồn: EVN, FPTS tổng hợp & dự phóng

Biểu đồ 11: Sản lượng điện gió tăng cao nhờ điều kiện gió mạnh & ổn định hơn khi mùa khô kéo dài



Nguồn: EVN, FPTS tổng hợp & dự phóng

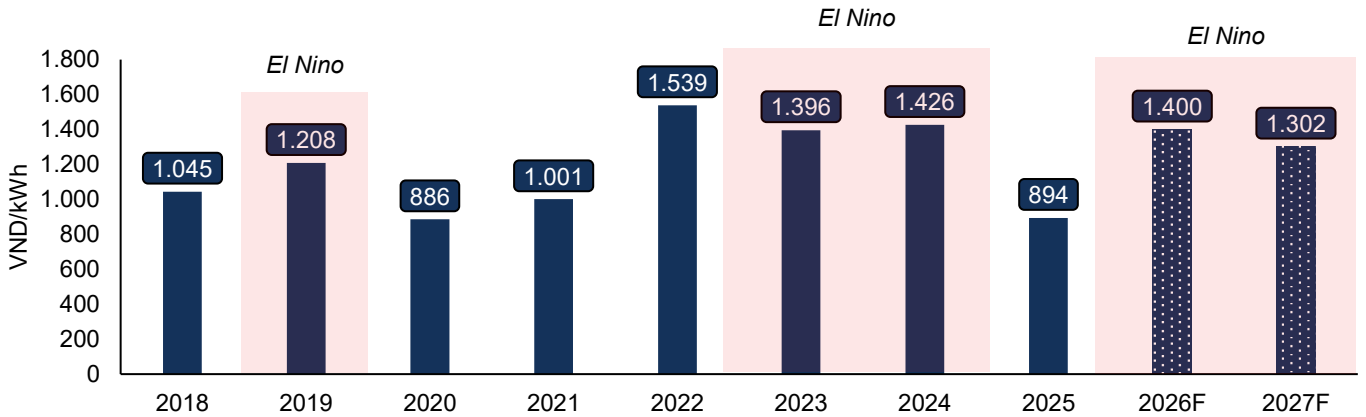
1.3. Giá thị trường điện tăng do đẩy mạnh huy động các nguồn nhiệt điện có giá chào cao

Giá thị trường phát điện toàn phần (FMP)¹ dự kiến tăng +56,5% YoY (đạt 1.400 VND/kWh) trong 2026F nhờ:

(1) Nhu cầu tiêu thụ điện tăng mạnh, làm gia tăng huy động các nguồn nhiệt điện có giá chào cao; (2) Sản lượng thủy điện suy giảm do thời tiết chuyển sang pha El Nino, làm giảm tỷ trọng nguồn điện giá rẻ trong hệ thống; (3) Giá chào của nhóm nhiệt điện tăng theo giá nhiên liệu, do căng thẳng địa chính trị & thời tiết khô hạn từ El Nino làm tăng nhu cầu than trên thị trường quốc tế nhằm bù đắp thiếu hụt từ các nguồn năng lượng khác.

Giá FMP sau đó dự kiến giảm -7,0% YoY (đạt 1.302 VND/kWh) trong 2027F do kỳ vọng giá nhiên liệu của các nguồn nhiệt điện giảm sau khi căng thẳng địa chính trị dần hạ nhiệt, trong khi tỷ trọng huy động từ các nguồn nhiệt điện vẫn duy trì ở mức cao.

Biểu đồ 12: Giá thị trường điện dự kiến tăng cao theo tỷ lệ huy động các nguồn nhiệt điện có giá thành cao



Nguồn: EVN, FPTs tổng hợp & dự phóng

1.4. Doanh nghiệp khuyến nghị

Cổ phiếu	Khuyến nghị	Upside (*)	Giá mục tiêu	Luận điểm đầu tư từ El Nino
POW	MUA	+24,6%	16.950	- Sản lượng huy động của nhà máy điện than Vũng Áng 1 (chiếm 33,1% doanh thu thuần) tăng nhờ thủy điện suy giảm do khô hạn. - Giá thị trường điện (FMP) tăng do tỷ trọng huy động các nguồn có giá thành cao hơn (than, khí), hỗ trợ biên lợi nhuận của các nhà máy bán điện trên thị trường cạnh tranh.
HND	MUA	+36,5%	13.100	- Sản lượng huy động tăng khi hệ thống ưu tiên huy động điện than để bù đắp thiếu hụt từ thủy điện. - Giá thị trường điện duy trì mức cao hỗ trợ doanh thu từ phần sản lượng tham gia thị trường điện (Qm).
GEG	THEO DÕI	+16,1%	14.050	- Sản lượng điện mặt trời tăng nhờ bức xạ mặt trời cao hơn và số giờ nắng kéo dài; - Sản lượng điện gió cải thiện nhờ điều kiện gió thuận lợi hơn tại các khu vực trọng điểm dưới tác động của El Nino.

(*) Thị giá tính upside được lấy theo giá đóng cửa ngày 31/07/2026

¹ FMP: Mức giá nhà máy điện nhận được cho phần sản lượng bán lên thị trường điện cạnh tranh, bao gồm giá chào cao nhất của nhà máy mà NSMO (đơn vị vận hành hệ thống & thị trường điện) cần huy động để đáp ứng đủ nhu cầu trong một chu kỳ huy động (SMP) và giá công suất bổ sung nhằm giúp các nhà máy thu hồi chi phí cố định (CAN), do giá chào trên thị trường chỉ phản ánh phần chi phí biến đổi.

1.4.1. Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP (HOSE: POW)

Thông tin giao dịch (31/07/2026)			
Giá hiện tại (VND/cp)	13.600	KLGD bình quân 10 ngày (cp/ngày)	13.374.080
Giá cao nhất 52 tuần (VND/cp)	16.600	EPS trailing (VND/cp)	1.274
Giá thấp nhất 52 tuần (VND/cp)	10.900	P/E trailing	10,48x
Định giá			
Giá mục tiêu (VND/cp)	16.950	Chênh lệch so với hiện tại	+24,6%

Luận điểm đầu tư

Ngắn hạn (2026F): Doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế của POW dự kiến lần lượt tăng +69,4% & +56,8% YoY trong năm 2026F nhờ: (1) Doanh thu điện than tăng +15,3% YoY (chiếm 22,6% doanh thu) nhờ nhóm điện than được gia tăng huy động trong bối cảnh hiện tượng El Nino gây khô hạn làm suy giảm sản lượng thủy điện; (2) Cụm nhà máy điện khí Nhơn Trạch 3 & 4 bắt đầu vận hành thương mại, giúp doanh nghiệp ghi nhận thêm: (a) 22.357 tỷ VND doanh thu từ việc bán điện; (b) 1.105 tỷ VND doanh thu đột biến sau khi EVN đền bù do không huy động đủ Qc trong năm; (c) 1.967 tỷ VND doanh thu đột biến nhờ thu hồi tiền bán điện từ việc chạy thử dự án vào năm 2025.

Trung hạn (2027F – 2030F): Doanh thu thuần của POW tăng +1,0%/năm trong khi lợi nhuận sau thuế giảm -9,1%/năm dù doanh thu nhóm điện than vẫn duy trì mức cao cùng kỳ nhờ tiếp tục hưởng lợi từ El Nino, nhưng do: (1) Sản lượng điện của cụm Nhơn Trạch 3 & 4 giảm tương ứng với khối lượng khí đầu vào được cam kết trong hợp đồng cung cấp khí với PV GAS; (2) Không còn ghi nhận các khoản doanh thu đột biến một lần của năm 2026F. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế vẫn cao hơn gấp 1,8 lần so với bình quân giai đoạn thiếu khí 2023 – 2025, nhờ doanh thu từ cụm Cà Mau 1 & 2 và Nhơn Trạch 1 & 2 (chiếm bình quân 47,0% doanh thu thuần dự phóng) tăng lần lượt +3,8% & +11,9%/năm sau khi các mỏ khí mới được đưa vào khai thác giúp bổ sung thêm nguồn cung nhiên liệu.

Bảng 1: KQKD POW tăng trưởng mạnh trong 2026F, nhưng giảm trong 2027F do không còn khoản đột biến

Đơn vị: Tỷ VND	2024	2025	2026F	2027F
Doanh thu thuần	30.306	34.306	58.124	57.587
Lợi nhuận gộp	1.998	4.479	8.487	6.214
BLNG	6,6%	13,1%	14,6%	10,8%
Chi phí bán hàng & QLDN	878	1.247	1.915	1.898
% doanh thu thuần	2,9%	3,6%	3,3%	3,3%
Lợi nhuận sau thuế	1.211	3.007	4.716	2.743

Nguồn: POW, FPTs tổng hợp & dự phóng

1.4.2. Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (UPCoM: HND)

Thông tin giao dịch (31/07/2026)			
Giá hiện tại (VND/cp)	9.600	KLGD bình quân 10 ngày (cp/ngày)	13.210
Giá cao nhất 52 tuần (VND/cp)	12.000	EPS trailing (VND/cp)	1.044
Giá thấp nhất 52 tuần (VND/cp)	9.500	P/E trailing	9,2x
Định giá			
Giá mục tiêu (VND/cp)	13.100	Chênh lệch so với hiện tại	+36,5%

Luận điểm đầu tư

Doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế dự kiến tăng +9,4% & +43,6% YoY trong năm 2026F, chủ yếu nhờ sản lượng điện tăng +10,3% YoY nhằm bù đắp suy giảm sản lượng từ thủy điện trong bối cảnh El Nino gây khô hạn.

Doanh thu thuần & lợi nhuận sau thuế giảm -10% & -4% YoY trong năm 2027F, do giá bán điện giảm -9,4% YoY khi giá Pc điều chỉnh theo giá than đầu vào, trong khi sản lượng điện tăng +4,0% YoY nhờ hưởng lợi từ El Nino.

Bảng 2: KQKD HND duy trì mức cao trong giai đoạn 2026F – 2027F nhờ hưởng lợi từ El Nino

Đơn vị: Tỷ VND	2024	2025	2026F	2027F
Doanh thu thuần	11.036	9.731	10.643	9.553
Lợi nhuận gộp	407	473	657	636
<i>BLNG</i>	3,7%	4,9%	6,2%	6,7%
Chi phí bán hàng & QLDN	107	102	81	73
% doanh thu thuần	1,0%	1,1%	0,8%	0,8%
Lợi nhuận sau thuế	259	342	492	470

Nguồn: HND, FPTS tổng hợp & dự phóng

1.4.3. Công ty Cổ phần Điện Gia Lai (HOSE: GEG)

Thông tin giao dịch (31/07/2026)			
Giá hiện tại (VND/cp)	12.100	KLGD bình quân 10 ngày (cp/ngày)	445.620
Giá cao nhất 52 tuần (VND/cp)	17.100	EPS trailing (VND/cp)	1.279
Giá thấp nhất 52 tuần (VND/cp)	11.700	P/E trailing	9,5x
Định giá			
Giá mục tiêu (VND/cp)	14.050	Chênh lệch so với hiện tại	+16,1%

Luận điểm đầu tư

Doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế lần lượt tăng +6,2% & +7,8%/năm trong giai đoạn 2026F – 2027F (sau khi loại bỏ khoản doanh thu đột biến 555 tỷ VND đến từ hồi tố tiền điện & thoái vốn công ty liên kết trong năm 2025). Nguyên nhân nhờ hiện tượng El Nino giúp: (1) Doanh thu điện gió tăng +11,1%/năm (chiếm 51,3% doanh thu dự phóng) nhờ tốc độ gió mạnh & ổn định hơn khi hiện tượng El Nino giúp mùa khô kéo dài hơn; (2) Doanh thu điện mặt trời (chiếm 32,2% doanh thu dự phóng) tăng +1,0%/năm nhờ bức xạ mặt trời cải thiện.

Bảng 3: KQKD GEG tích cực trong giai đoạn 2026F – 2027F nhờ hiệu suất điện gió & điện mặt trời tăng

Đơn vị: Tỷ VND	2024	2025	2026F	2027F
Doanh thu thuần	2.325	2.999	2.653	2.883
Lợi nhuận gộp	1.073	1.714	1.317	1.427
<i>BLNG</i>	46,2%	57,2%	49,6%	49,5%
Chi phí bán hàng & QLDN	136	200	177	192
% doanh thu thuần	5,8%	6,7%	6,7%	6,7%
Lợi nhuận sau thuế	92	947	511	455

Nguồn: HND, FPTS tổng hợp & dự phóng

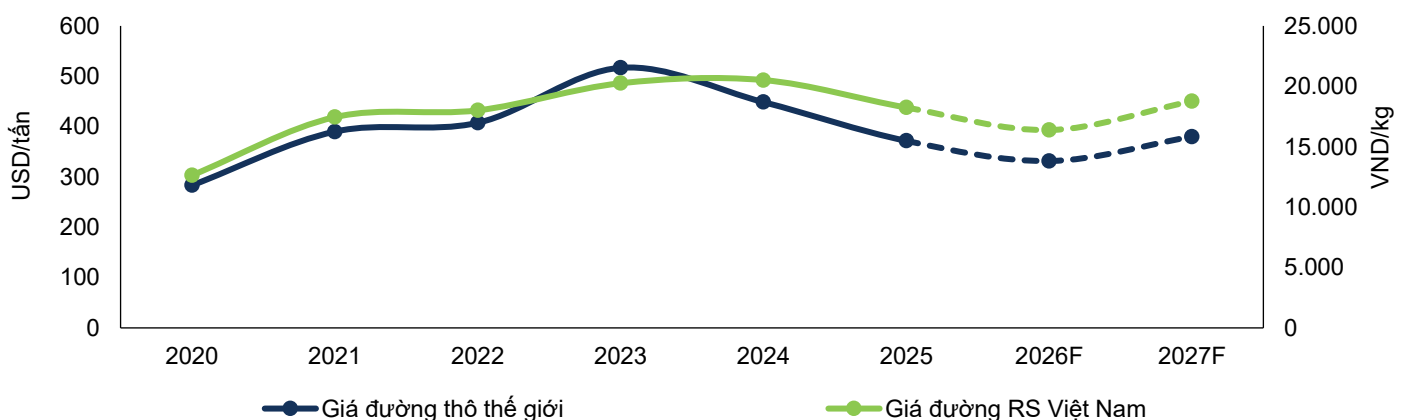
2. Ngành mía đường: Giá đường kỳ vọng bật tăng trong năm 2027F do nguồn cung đường toàn cầu dự phóng thắt chặt [\(quay lại\)](#)

Giá đường RS Việt Nam dự phóng giảm trong năm 2026F sau đó bật tăng trở lại trong 2027F theo diễn biến giá đường thô thế giới do tác động từ El Nino cường độ cao có độ trễ bởi đặc tính mùa vụ gieo trồng. Giá đường nội địa Việt Nam có độ nhạy cao với biến động giá đường thế giới do tỷ lệ tự chủ nguồn cung thấp (sản xuất nội địa chỉ đáp ứng ~50% nhu cầu). Dù hàng rào thuế quan (thuế chống bán phá giá & chống trợ cấp áp dụng đến 2031) đã hạn chế phần nào áp lực từ đường nhập khẩu chính ngạch gốc Thái Lan (có giá thành sản xuất ước tính thấp hơn 15,5% so với nội địa), thị trường vẫn chịu sức ép lớn từ nguồn đường nhập lậu với quy mô tương đương 50% sản lượng sản xuất nội địa và có giá rẻ hơn 5,5%.

2.1. Giá đường dự phóng bật tăng trở lại trong năm 2027F do nguồn cung toàn cầu kỳ vọng thu hẹp bởi El Nino cường độ cao

Năm 2026F, giá đường RS Việt Nam dự phóng duy trì giảm 10,2% YoY theo diễn biến của giá đường thô thế giới do tình hình sản xuất đường tại Brazil, Ấn Độ và Thái Lan (chiếm ~68% lượng đường xuất khẩu toàn cầu) vụ 2025/2026 kỳ vọng tích cực nhờ thời tiết thuận lợi. Trong năm 2025, trạng thái La Nina cường độ yếu giúp cung cấp đủ lượng mưa cho vụ gieo trồng. Với Brazil, sản lượng vụ 2025/2026 (tháng 04/2025 đến tháng 04/2026) tương đương với mức nền cao niên vụ trước (44,2 triệu tấn). Trong khi đó, tại Ấn Độ và Thái Lan, sản lượng đường sản xuất duy trì đà tăng lần lượt +9,4% và +8,8% YoY.

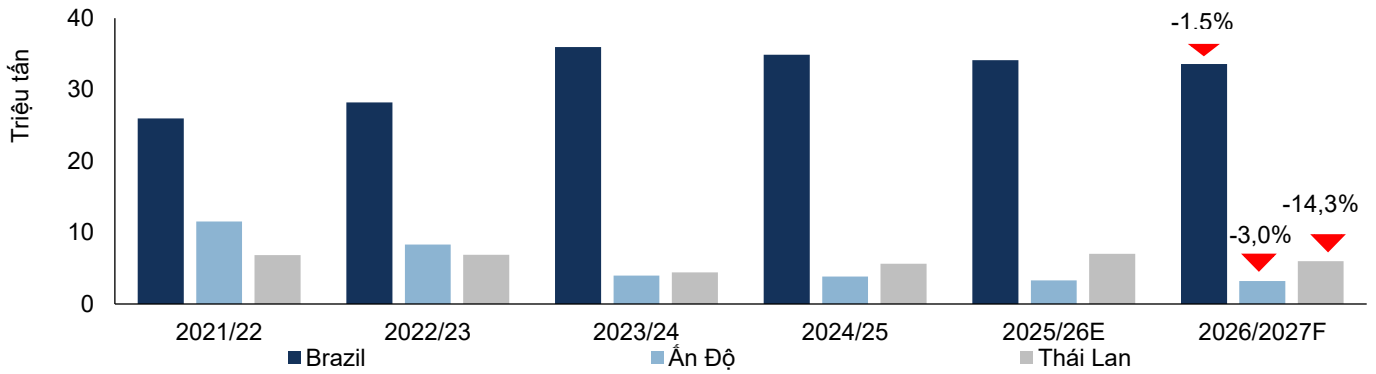
Biểu đồ 13. Giá đường kỳ vọng bật tăng trở lại trong năm 2027F



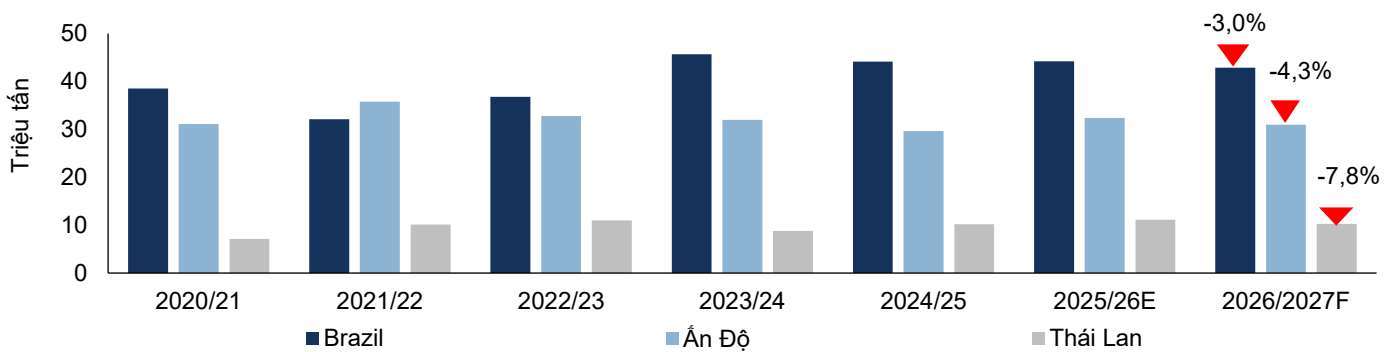
Nguồn: FPTTS dự phóng

Năm 2027F, giá đường RS Việt Nam kỳ vọng bật tăng +14,6% YoY với kỳ vọng nguồn cung đường toàn cầu thắt chặt.

- (1) Sản lượng đường sản xuất của Thái Lan và Ấn Độ dự kiến suy giảm do chịu ảnh hưởng trực tiếp từ thời tiết khô hạn bởi El Nino dự kiến hoạt động mạnh từ Q3/2026. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2026, lượng mưa tại Thái Lan và Ấn Độ đều ghi nhận ở mức thấp hơn so với bình thường. Do đó, trạng thái El Nino hoạt động mạnh kỳ vọng làm trầm trọng thêm tình hình khô hạn tại 2 khu vực này. Trong khi đó, sản lượng đường sản xuất của Brazil dự phóng giảm nhẹ bởi xu hướng chuyển dịch sang sản xuất ethanol.
- (2) Tình hình sản xuất kém khả quan kéo theo sản lượng xuất khẩu suy giảm, làm thắt chặt thị trường đường toàn cầu trong niên vụ 2026/2027. Kể từ khi Ấn Độ áp dụng chính sách hạn chế xuất khẩu từ vụ 2022/2023, thế giới phụ thuộc chủ yếu vào lượng đường xuất khẩu từ Brazil và Thái Lan. Do đó, với tình hình sản xuất nội địa kém khả quan, sản lượng xuất khẩu của hai quốc gia này dự kiến sẽ giảm trong niên vụ 2026/2027, qua đó thu hẹp lượng đường giao dịch trên thị trường quốc tế.

Biểu đồ 14. Sản lượng đường xuất khẩu của Brazil, Thái Lan và Ấn Độ dự phóng giảm trong 2026/2027


Nguồn: USDA, FPTTS dự phóng

Biểu đồ 15. Sản lượng đường sản xuất của 3 khu vực xuất khẩu lớn nhất thế giới dự phóng suy giảm trong niên vụ 2026/2027


Nguồn: USDA, FPTTS dự phóng

Cụ thể, trong niên độ sản xuất đường 2026/2027:

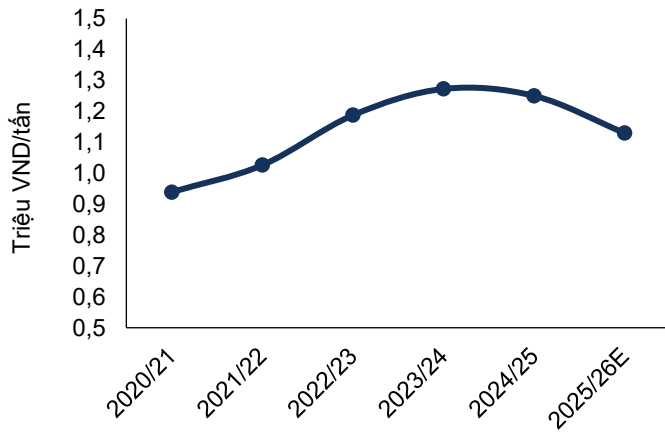
- Brazil:** sản lượng đường sản xuất dự phóng giảm 3,0% YoY mặc dù lượng mía thu hoạch dự kiến tăng tích cực (+2,0% YoY) nhờ điều kiện lượng mưa phục hồi thuận lợi. Việc chuyển đổi và ưu tiên sản xuất xăng Ethanol khiến tỷ lệ phân bổ sản lượng mía cho sản xuất đường dự phóng thấp hơn 1,5 đpt niên vụ trước và ở mức 48% (theo dự phóng của USDA). Các nhà máy ưu tiên sản xuất ethanol thay vì đường nhờ (1) gián đoạn vận tải tại eo Hormuz khiến giá dầu thế giới leo thang thúc đẩy nhu cầu sử dụng xăng sinh học tại Brazil và (2) Hội đồng chính sách năng lượng quốc gia Brazil tháng 7/2026 đã phê duyệt việc tăng tạm thời tỷ lệ pha trộn ethanol bắt buộc trong xăng từ 30% lên 32% kéo dài trong khoảng 6 tháng.
- Thái Lan:** sản lượng đường sản xuất dự phóng giảm 7,8% YoY do (1) diện tích gieo trồng thu hẹp và (2) năng suất mía giảm do thời tiết dự phóng khô hạn trong giai đoạn trưởng thành của cây mía (tháng 7 - tháng 11). Diện tích mía gieo trồng của Thái Lan vụ 2026/2027 dự phóng giảm 1,5% YoY do giá thu mua mía tại ruộng theo công bố của Ủy ban mía đường Thái Lan giảm 23,0% YoY và thấp hơn 34,4% so với chi phí sản xuất dự kiến khiến nông dân dịch chuyển sang canh tác các cây trồng thay thế khác như sắn (theo USDA). Mặt khác, năng suất mía niên vụ này cũng kỳ vọng giảm 6,4% YoY do thời tiết khô hạn. Theo Cục khí tượng Thái Lan, lượng mưa lũy kế 1H2026 ở các khu vực Đông Bắc, miền Bắc và miền Trung (~80% diện tích mía Thái Lan) đều ghi nhận thấp hơn lần lượt 8,2%; 15,7% và 20,2% so với mức bình thường. Dự báo cho Q3/2026, lượng mưa tại Thái Lan sẽ tiếp tục thấp hơn 10% so với mức bình thường.
- Ấn Độ:** sản lượng đường sản xuất dự phóng giảm 4,3% YoY do năng suất giảm bởi thời tiết khô hạn ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển của cây mía giai đoạn sinh trưởng (tháng 6 - tháng 11). Diện tích mía gieo trồng vụ hè 2026 của Ấn Độ tương đương với cùng kỳ năm trước. Mặt khác, lũy kế từ đầu tháng 6 đến nay, lượng mưa của Ấn Độ ước tính thấp hơn 23,8% so với mức bình thường. Theo dự phóng của Cơ quan khí tượng Ấn Độ, xác suất lên đến 84% khả năng lượng mưa sẽ ở mức dưới bình thường hoặc thiếu hụt khi hiện tượng El Nino hình thành trong vụ gió mùa (từ tháng 6 đến tháng 9).

2.2. Sản lượng đường sản xuất của Việt Nam kỳ vọng đi ngang trong niên vụ 2026/2027

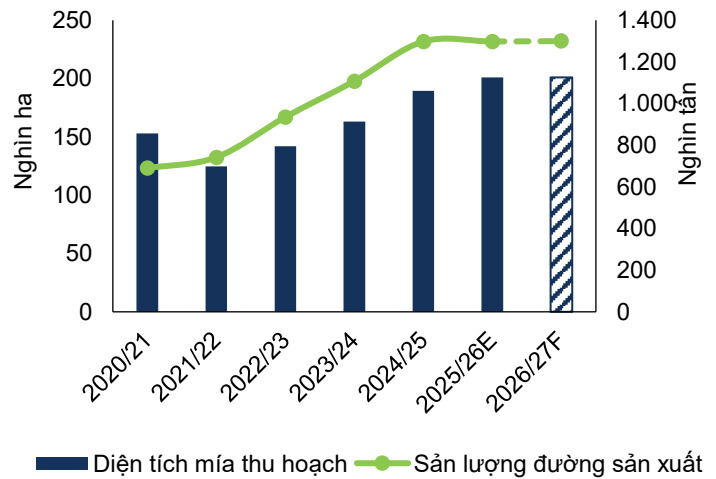
Sản lượng đường sản xuất vụ 2026/2027 dự phóng tương đương so với cùng kỳ nhờ (1) diện tích mía kỳ vọng đi ngang do giá thu mua mía vụ 2025/2026 giảm 9,6% YoY kỳ vọng làm giảm động lực mở rộng diện tích canh tác của các hộ dân; và (2) năng suất mía tương đương với vụ trước nhờ lượng mưa ổn định trong giai đoạn sinh trưởng của mía (trong khoảng tháng 6 đến tháng 10). Theo Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia, lượng mưa cả nước trong tháng 8 và tháng 9 sẽ đạt mức xấp xỉ hoặc cao hơn trung bình nhiều năm, và chỉ bắt đầu suy giảm rõ rệt từ tháng 10.

Biểu đồ 16. Giá thu mua mía giảm kỳ vọng làm giảm động lực mở rộng diện tích trồng mía của các hộ dân

Giá thu mua mía nội địa



Diện tích thu hoạch và sản lượng đường sản xuất



Nguồn: Agromonitor, FPTS tổng hợp và dự phóng

2.3. Doanh nghiệp khuyến nghị

Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi (UPCOM: QNS) – KHUYẾN NGHỊ: THEO DÕI

Thông tin giao dịch (31/07/2026)

Giá hiện tại (VND/cp)	47.100	KLGD bình quân 30 ngày (cp/ngày)	128.414
Giá cao nhất 52 tuần (VND/cp)	49.200	EPS trailing (VND/cp)	5.231
Giá thấp nhất 52 tuần (VND/cp)	41.086	P/E trailing	9,06

Định giá

Giá mục tiêu (VND/cp)	52.000	Chênh lệch so với hiện tại	+10,4%
-----------------------	---------------	----------------------------	---------------

Luận điểm đầu tư:

Doanh thu kỳ vọng duy trì đà tăng trưởng trong năm 2026F (+7,2% YoY) và 2027F (+8,8% YoY) nhờ đà tăng của mảng sữa đậu nành và sự phục hồi của mảng đường trong năm 2027F. Cụ thể:

- Mảng sữa đậu nành (51% tổng doanh thu): doanh thu kỳ vọng duy trì đà tăng năm 2026F (+20,0% YoY) và 2027F (+6,0% YoY). Trong đó, sản lượng tiêu thụ tăng lần lượt 10,0% YoY & 6,0% YoY chủ yếu nhờ QNS tăng mạnh chi tiêu cho tiếp thị và bán hàng (chi phí bán hàng/DTT tăng +4,2 đpt & +1,3 đpt YoY trong 2026 và 2027) trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt từ các sản phẩm sữa thay thế. Giá bán bình quân dự phóng tăng +9,0% YoY trong năm 2026 và giả định đi ngang trong 2027F.
- Mảng mía đường (30% tổng doanh thu): doanh thu kỳ vọng giảm -6,0% YoY trong 2026F và phục hồi +18,5% YoY trong 2027F. Trong đó, sản lượng đường tiêu thụ dự phóng tăng lần lượt +10,0% YoY & 5,8% YoY. Tiêu thụ đường nội địa kỳ vọng được hỗ trợ tích cực nhờ thuế chống bán phá giá và chống trợ cấp với đường có nguồn gốc Thái Lan tiếp tục được gia hạn. Mặt khác, cạnh tranh từ đường tiểu ngạch dự phóng giảm bớt nhờ biên giới giữa Campuchia và Thái Lan vẫn thắt chặt và tình hình sản xuất đường tại Thái Lan dự phóng suy

giảm trong 2027 do El Nino. Giá bán đường của QNS dự phóng giảm 15% YoY trong 2026F sau đó tăng +12,0% YoY trong năm 2027F theo diễn biến chung của giá đường nội địa.

Lợi nhuận sau thuế dự phóng giảm 1,7% YoY trong 2026F và phục hồi +13,1% YoY trong 2027F.

- Năm 2026F, BLNG mảng đường giảm 5,2 đpt YoY cùng với đà tăng mạnh của chi phí bán hàng bào mòn lợi nhuận của QNS.
- Sang 2027F, lợi nhuận sau thuế kỳ vọng phục hồi tích cực với BLNST tăng +0,7 đpt YoY chủ yếu từ đà phục hồi BLNG của mảng đường +9,2 đpt YoY nhờ giá bán tăng trở lại. Trong khi đó, BLNG mảng sữa dự phóng giảm 0,9 đpt YoY do chi phí đậu nành kỳ vọng tăng.

Bảng 4. Kết quả kinh doanh của QNS kỳ vọng tăng trưởng tích cực trong năm 2027F

Đơn vị: Tỷ VND	2024	2025	2026F	2027F
Doanh thu thuần	10.243	10.575	11.339	12.333
<i>Mảng sữa đậu nành</i>	<i>4.174</i>	<i>4.805</i>	<i>5.761</i>	<i>6.107</i>
<i>Mảng đường</i>	<i>3.939</i>	<i>3.630</i>	<i>3.412</i>	<i>4.042</i>
<i>Mảng khác</i>	<i>2.130</i>	<i>2.140</i>	<i>2.165</i>	<i>2.184</i>
Lợi nhuận gộp	3.484	3.525	4.007	4.601
BLNG	34,0%	33,3%	35,3%	37,3%
<i>Mảng sữa đậu nành</i>	<i>39,2%</i>	<i>46,2%</i>	<i>50,8%</i>	<i>49,9%</i>
<i>Mảng đường</i>	<i>32,7%</i>	<i>21,2%</i>	<i>16,0%</i>	<i>25,2%</i>
<i>Mảng khác</i>	<i>26,1%</i>	<i>25,0%</i>	<i>24,6%</i>	<i>24,4%</i>
Chi phí bán hàng	863	1.359	1.933	2.263
<i>%CPBH/DTT</i>	<i>8,4%</i>	<i>12,8%</i>	<i>17,0%</i>	<i>18,3%</i>
Chi phí quản lý	241	245	263	286
<i>%CPBQL/DTT</i>	<i>2,3%</i>	<i>2,3%</i>	<i>2,3%</i>	<i>2,3%</i>
Lợi nhuận sau thuế	2.377	1.916	1.883	2.130
BLNST	23,2%	18,1%	16,6%	17,3%

Nguồn: QNS, FPTTS dự phóng

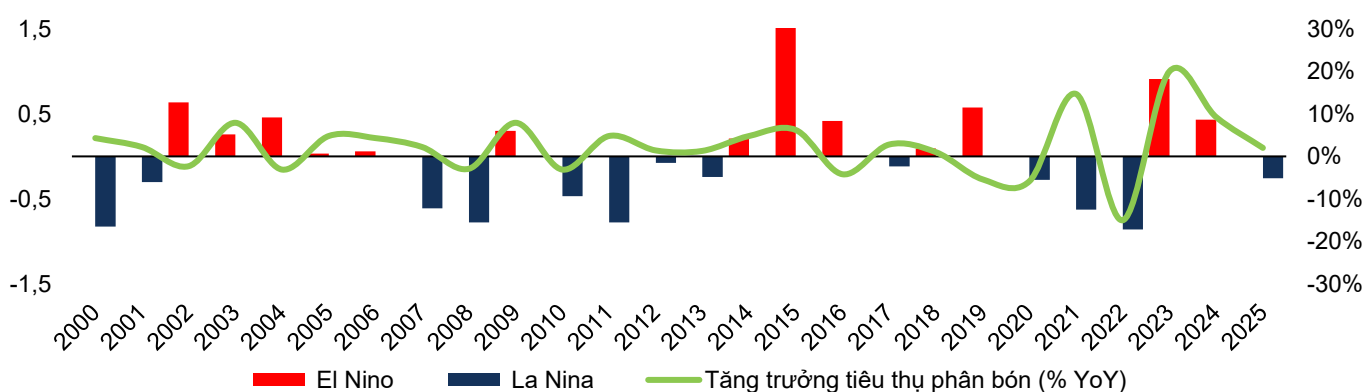
3. Ngành phân bón: Nhu cầu tiêu thụ phân bón chịu áp lực do thời tiết bất lợi làm giảm hoạt động canh tác (quay lại)

➤ Tiêu thụ phân bón nội địa dự báo sụt giảm do El Nino ảnh hưởng tiêu cực đến canh tác nông nghiệp

Chúng tôi kỳ vọng nhu cầu tiêu thụ phân bón nội địa sẽ giảm khoảng 8,5% YoY trong năm 2026 và tiếp tục giảm khoảng 3,5% YoY trong năm 2027 do El Nino gây hạn hán và xâm nhập mặn nghiêm trọng tại Nam Bộ - khu vực sản xuất nông nghiệp trọng điểm của Việt Nam. Điều kiện thời tiết bất lợi làm giảm diện tích canh tác, suy giảm năng suất cây trồng và khiến nông dân cắt giảm lượng phân bón sử dụng, qua đó gây áp lực lên nhu cầu tiêu thụ. Ảnh hưởng này nghiêm trọng hơn trong bối cảnh giá phân bón vẫn duy trì ở mức cao do ảnh hưởng từ xung đột Trung Đông.

Nhu cầu tiêu thụ phân bón thường suy giảm trong các giai đoạn El Nino. Trong giai đoạn 2015 - 2016, El Nino mạnh gây hạn hán và xâm nhập mặn, ảnh hưởng khoảng 250 nghìn ha lúa canh tác, khiến tăng trưởng tiêu thụ phân bón trong nước giảm 4,2% YoY trong năm 2016. Tương tự, El Nino 2018 –2019 khiến tiêu thụ phân bón giảm 5,4% YoY trong năm 2019.

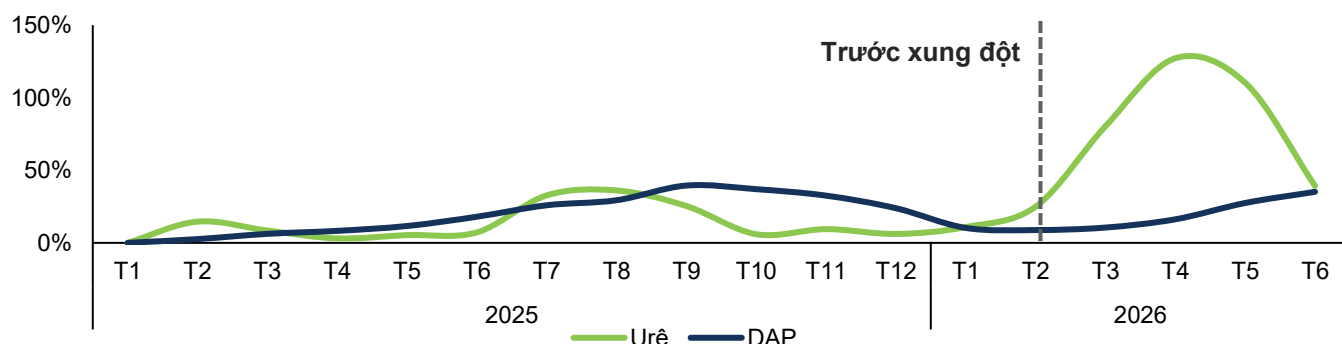
Biểu đồ 17: Tiêu thụ phân bón thường giảm trong giai đoạn El Nino



Nguồn: FPTs tổng hợp và ước tính

Tác động của El Nino trong giai đoạn 2026 - 2027 có thể trở nên nghiêm trọng hơn trong bối cảnh giá phân bón vẫn duy trì ở mức cao, với giá các loại phân bón hiện cao hơn khoảng 20 - 40% so với đầu năm do ảnh hưởng từ xung đột Trung Đông. Chi phí đầu vào gia tăng cùng rủi ro năng suất giảm khiến nông dân có xu hướng cắt giảm lượng phân bón sử dụng, qua đó gây thêm áp lực lên nhu cầu tiêu thụ.

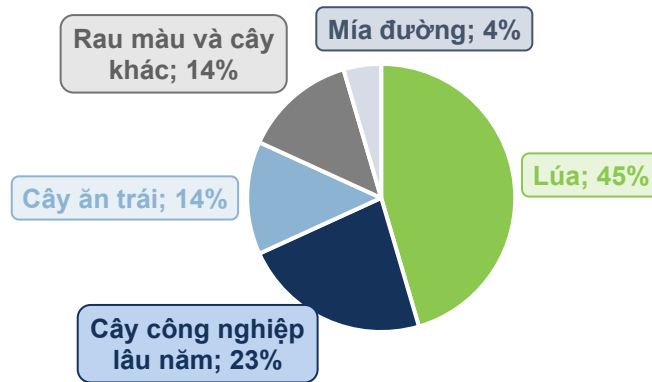
Biểu đồ 18: Giá phân bón tăng mạnh do xung đột Trung Đông



Nguồn: Bloomberg, FPTs tổng hợp

➤ Mức độ ảnh hưởng khác nhau giữa các doanh nghiệp do khác biệt cơ cấu sản phẩm và thị trường

Tác động của El Nino đến nhu cầu phân bón phụ thuộc vào cơ cấu cây trồng và khu vực tiêu thụ. Trong đó, lúa là nhóm cây trồng tiêu thụ phân bón lớn nhất tại Việt Nam, với urê là loại phân bón được sử dụng phổ biến cho cây lúa. Do đó, các doanh nghiệp có tỷ trọng tiêu thụ urê cao tại các vùng chuyên canh lúa sẽ chịu ảnh hưởng lớn hơn khi điều kiện sản xuất bất lợi.

Biểu đồ 19: Lúa là cây trồng tiêu thụ phân bón lớn nhất tại Việt Nam


Nguồn: FAO, FPTS tổng hợp và ước tính

Sản xuất lúa chịu tác động kép từ hạn hán và xâm nhập mặn, đặc biệt tại Đồng bằng sông Cửu Long, khiến diện tích gieo trồng và lượng phân bón sử dụng có thể giảm mạnh. Trong khi đó, các cây công nghiệp lâu năm như và cây ăn trái vẫn chịu ảnh hưởng do thiếu nước làm giảm năng suất và nhu cầu chăm sóc, nhưng mức giảm thấp hơn cây lúa do người trồng cần đảm bảo dinh dưỡng để duy trì năng suất dài hạn.

Theo đó, DCM và DPM chịu ảnh hưởng lớn hơn do sản phẩm chủ lực là urê và có tỷ trọng tiêu thụ cao tại các khu vực trồng lúa như Đồng bằng sông Cửu Long. BFC chịu tác động thấp hơn tương đối do NPK chủ yếu phục vụ cây công nghiệp và cây ăn quả. DDV và LAS chịu ảnh hưởng hạn chế hơn nhờ cơ cấu sản phẩm và thị trường tiêu thụ ít tập trung tại các khu vực chịu tác động mạnh của hạn hán và xâm nhập mặn.

Bảng 5: Dự báo tác động lên các doanh nghiệp niêm yết

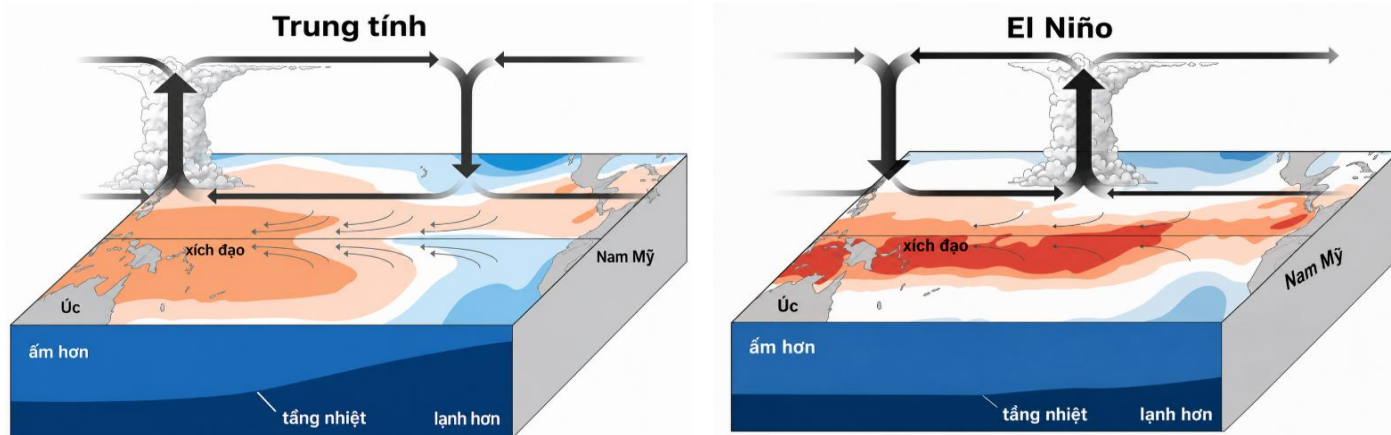
Doanh nghiệp	Sản phẩm chính	Khu vực tiêu thụ chính	Cây trồng chính	Mức độ ảnh hưởng	Dự phóng sản lượng tiêu thụ
DCM	Urê	ĐBSCL	Lúa	Cao: Urê chịu ảnh hưởng mạnh khi nhu cầu bón lúa giảm do xâm nhập mặn và hạn hán	2026F: -9,8% YoY 2027F: -3,6% YoY
DPM	Urê	ĐBSCL, Tây Nguyên	Lúa		2026F: -9,2% YoY 2027F: -3,5% YoY
BFC	NPK	Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, ĐBSCL	Cây công nghiệp, cây ăn quả	Trung bình: NPK phục vụ cây lâu năm nên mức giảm thấp hơn Urê do nhu cầu duy trì chăm sóc dài hạn	2026F: -5,2% YoY 2027F: -2,4% YoY
LAS	Lân, NPK	Miền Bắc, miền Trung	Cây công nghiệp, cây ăn quả	Trung bình: Ít phụ thuộc các vùng chịu ảnh hưởng mạnh của El Nino	2026F: -2,2% YoY 2027F: -1,1% YoY
DDV	DAP	Miền Bắc, ĐBSCL, Xuất khẩu	Lúa, cây công nghiệp, cây ăn quả	Trung bình: Ít phụ thuộc các vùng chịu ảnh hưởng mạnh của El Nino	2026F: -3,1% YoY 2027F: -1,2% YoY

Nguồn: FPTS, tổng hợp và dự phóng

V. PHỤ LỤC - TỔNG QUAN VỀ HIỆN TƯỢNG EL NINO [\(quay lại\)](#)

El Nino là pha ấm của ENSO (El Nino - Southern Oscillation, hay El Nino - Dao động phương Nam), xảy ra khi vùng biển trung tâm và phía đông Thái Bình Dương xích đạo nóng lên cao hơn mức trung bình trong nhiều tháng liên tiếp. Trong điều kiện bình thường, gió mậu dịch thổi từ đông sang tây dọc theo xích đạo Thái Bình Dương, đẩy lớp nước ấm về phía Indonesia và Australia, đồng thời tạo điều kiện để nước lạnh từ tầng sâu trồi lên ở khu vực gần Nam Mỹ. Khi gió mậu dịch suy yếu hoặc đảo chiều, lớp nước ấm vốn thường tập trung ở phía tây Thái Bình Dương bắt đầu lan dần về khu vực trung tâm và phía đông. Đồng thời, quá trình nước lạnh từ tầng sâu trồi lên ở phía đông Thái Bình Dương cũng suy giảm, khiến nhiệt độ mặt biển tại khu vực này tăng cao bất thường và hình thành El Nino.

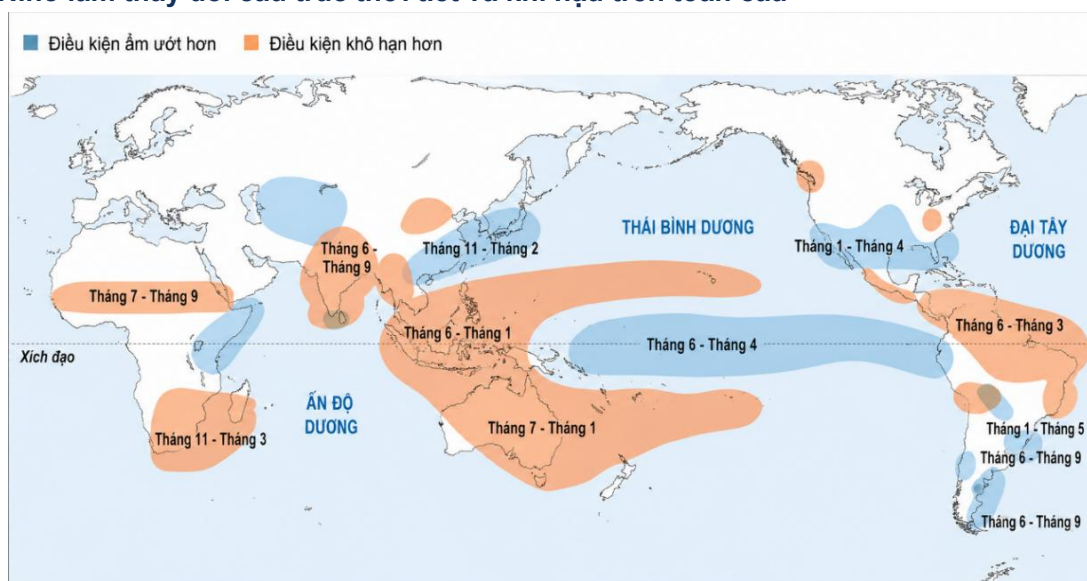
Hình 2: El Nino khiến nhiệt độ vùng biển trung tâm và phía Đông Thái Bình Dương nóng lên



Nguồn: NOAA, FPTS tổng hợp

Sự dịch chuyển của vùng nước ấm kéo theo sự thay đổi của hệ thống gió và mưa trên phạm vi toàn cầu, làm thời tiết ở nhiều nơi trở nên cực đoan hơn. Trong các đợt El Nino, Đông Nam Á, Úc, Nam Á và miền nam châu Phi thường xảy ra nắng nóng, khô hạn và thiếu nước, trong khi Nam Mỹ, Đông Phi và khu vực phía nam Bắc Mỹ dễ xuất hiện mưa lớn, lũ lụt và sạt lở.

Hình 3: El Nino làm thay đổi cấu trúc thời tiết và khí hậu trên toàn cầu



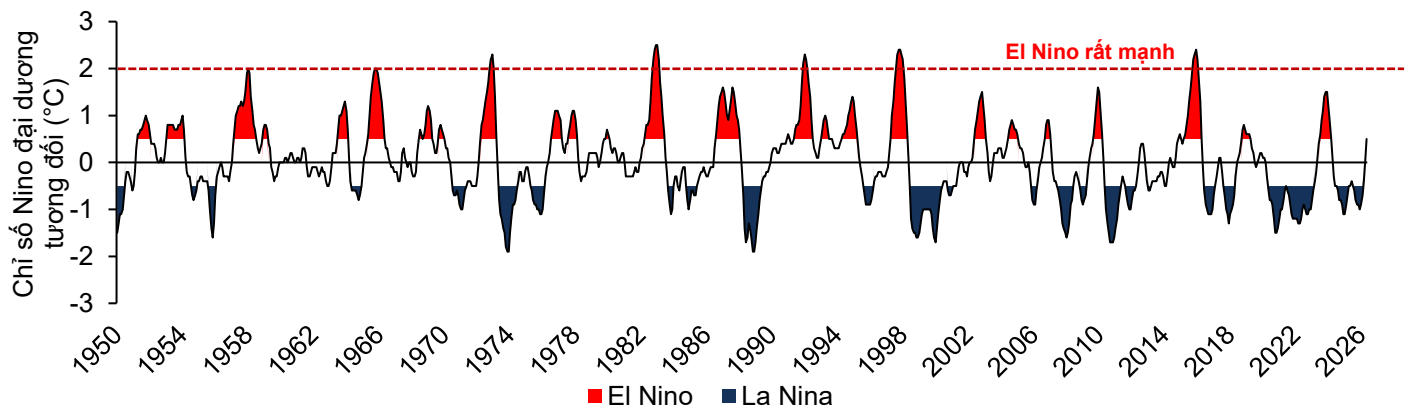
Nguồn: Bloomberg, FPTS tổng hợp

Cường độ El Nino thường được xác định dựa trên chỉ số ONI (Oceanic Nino Index), phản ánh mức chênh lệch nhiệt độ mặt nước biển trung bình trong ba tháng liên tiếp tại khu vực Nino 3.4 so với mức trung bình lịch sử. El Nino được ghi nhận khi ONI đạt từ +0,5°C trở lên và chỉ số càng cao cho thấy hiện tượng càng mạnh. Trong đó, El Nino được xếp vào mức rất mạnh khi ONI đạt từ +2,0°C trở lên.

Mức độ El Niño	ONI
Yếu	Từ +0,5°C đến dưới +1,0°C
Trung bình	Từ +1,0°C đến dưới +1,5°C
Mạnh	Từ +1,5°C đến dưới +2,0°C
Rất mạnh	Từ +2,0°C trở lên

Dữ liệu lịch sử cho thấy ENSO biến động không đều, với các pha El Nino và La Nina xuất hiện xen kẽ nhưng không theo chu kỳ cố định. Từ năm 1950 đến nay, NOAA đã ghi nhận khoảng 22 đợt El Nino, trong đó phần lớn các đợt El Nino chỉ ở mức yếu đến trung bình, chỉ có khoảng 8 giai đoạn ghi nhận cường độ rất mạnh khi chỉ số Nino vượt ngưỡng +2°C.

Biểu đồ 20: Các sự El Nino diễn ra không đồng đều và chủ yếu là El Nino cường độ trung bình



Nguồn: NOAA/CPC, FPTs tổng hợp

THÔNG TIN LIÊN HỆ**TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH****Nguyễn Ngọc Đức**ducnn2@fpts.com.vn**CHUYÊN VIÊN PHÂN TÍCH****Nguyễn Thị Thanh Thu**

Chuyên viên phân tích cơ bản

thuntt@fpts.com.vn**Lê Hữu Sơn**

Chuyên viên phân tích cơ bản

sonlh@fpts.com.vn**Ngô Bá Nguyên**

Chuyên viên phân tích cơ bản

nguyennb@fpts.com.vn

Tuyên bố miễn trách nhiệm

Các thông tin và nhận định trong báo cáo này được cung cấp bởi FPTTS dựa vào các nguồn thông tin mà FPTTS coi là đáng tin cậy, có sẵn và mang tính hợp pháp. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo tính chính xác hay đầy đủ của các thông tin này.

Nhà đầu tư sử dụng báo cáo này cần lưu ý rằng các nhận định trong báo cáo này mang tính chất chủ quan của chuyên viên phân tích FPTTS. Nhà đầu tư sử dụng báo cáo này tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

FPTTS có thể dựa vào các thông tin trong báo cáo này và các thông tin khác để ra quyết định đầu tư của mình mà không bị phụ thuộc vào bất kỳ ràng buộc nào về mặt pháp lý đối với các thông tin đưa ra.

Báo cáo này không được phép sao chép, phát hành và phân phối dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự chấp thuận của FPTTS. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin từ báo cáo này.

Tại thời điểm thực hiện báo cáo phân tích, FPTTS, người phê duyệt và các chuyên viên phân tích không nắm giữ cổ phiếu nào của các doanh nghiệp được nêu trong báo cáo.

Các thông tin có liên quan đến chứng khoán khác hoặc các thông tin chi tiết liên quan đến cổ phiếu này có thể được xem tại <https://ezsearch.fpts.com.vn> hoặc sẽ được cung cấp khi có yêu cầu chính thức

Bản quyền © 2010 Công ty chứng khoán FPT

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT
Trụ sở chính	Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Tp. Đà Nẵng
Số 52 Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội.	Tầng 3, Tòa nhà 136-138 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh.	100 Quang Trung, Phường Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.
ĐT: 19006446	ĐT: 19006446	ĐT: 19006446
Fax: (84.24) 3 773 9058	Fax: (84.28) 6 291 0607	Fax: (84.236) 3553 888